

NGŨ TỰ ĐÀ LA NI TỤNG

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiên Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn **BÁT KHÔNG** phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Trong trăm ngàn **Du Già** (Yoga)

Kim Cương Đại Sư nói

Thánh Mạn Thù Đồng Tử (Ārya-maṃjuśrī-kumāra)

Ngũ Tự Bí Mật Pháp

Người tu **Tam Muội** (Samādhi) này

Mau vào các **Phật Tuệ** (Buddha-mati)

Hay dùng thân phạm phu

Thấy thành tựu **thân Phật** (Buddha-kāya)

Pháp này rất bí mật

Đại Sư dùng miệng truyền

Nên mặc giáp Tinh Tiên

Y Pháp chẳng y Người

Pháp Như Lai không hai

Tin trong sạch đặc được

Giống như mưa rưới khắp

Đất màu mỡ tăng trưởng

Mật Giáo của Thế Tôn

Người Trí hợp tu tập

Tính chúng sinh hẹp kém

Mê vào khô ba cõi (tam hữu)

Tuy nghe Pháp thắng thượng

Chẳng sinh ý dừng tiến

Người Trí sinh thương xót

Vì đây, cầu hiểu trước

Giống như gàn núi báu

Người Trí đến chọn lấy

Người ngu biết chẳng đi

Ngày dài, chịu mọi khổ

_ Nếu có nghe Pháp này

Liên biết lỗi tối thắng

Trụ ở Nguyện to lớn (đại nguyện)

_ Nếu có nghe Pháp này

Run sợ, buồn vui sâu

Khóc lóc, thân dựng lông

Người đầy có thể học

_ Nếu có nghe Pháp này

Một lòng liền chẳng loạn

Các **Căn** sạch, ưa thích

Người đầy có thể học

_ Nếu có nghe Pháp này
Tùy được vị Thiên Duyệt
Chẳng thích *vui của đời* (thế lạc)
Người đầy có thể học

_ Nếu có nghe Pháp này
Chẳng đợi Thời với Ngày
Chẳng cầu Pháp đầy đủ
Chỉ dùng Tâm tiến thẳng
Chẳng ở các vật cúng
Khỏ *mong cầu chẳng được*
Khéo biết Pháp, cúng dường
Người đầy có thể học

_ Lúc tụng tập Chân Ngôn
Như Vị (mùi vị) **Thiên Cam Lộ** (Cam Lộ của Trời)
Một lòng đều nguyện nghe
Người đầy có thể học

_ Hai tay kết **Bí Ấn**
Tưởng làm ân nặng lớn
Giống như nâng **Tu Di** (Sumeru)
Người đầy có thể học

_ Pháp này, chư Phật vì
Bậc **Tối Thượng Thừa** nói
Kẻ căn tính thấp kém
Nghĩ ngờ chẳng thể tin
Tính chúng sinh vốn sạch
Sức **Bản Thệ** (Samaya) chư Phật
Dùng **Pháp Ấn** (Dharma-mudra) tương ứng
Hiện thành các **thân Thánh** (Ārya-kāya)
Ở trong một chỗ ngồi
Liên thành Tối Chính Giác

_ Nếu người tùy Pháp này
Nên tin tưởng như vậy
Hoặc khởi ở một niệm
Nói *Ta là phàm phu*
Đồng chê Phật ba đời
Trong Pháp, kết tội nặng

_ Chưa nhận **Quán Đỉnh Vị**
Với chẳng phải *đồng sự* (người làm chung công việc)
Chẳng nên vọng xưng nói
Như giữ ngọc trong tóc

_ Như **Kinh** nói nơi chốn
Hoặc ở **A Luyện Nhã** (Aranya)
Sông, ao với bờ bên
Núi trong sạch nổi tiếng
Được **Đạo** (Mārga), chuyên **Pháp Luân** (Dharma-cakra: bánh xe Pháp)
Nơi người Tiên (Rṣi) thành tựu

_ Chọn đất, dựng tịnh xá
Tùy thuận vào cảnh giới
Xoa đất: sạch, bằng, tốt

Rải bày các hoa mùa
 Trợ Pháp như **Luật Nghi** (Samvarah)
 Như các Bộ đã nói
 _ Trong sạch tắm gội **Thể** (thân thể)
 Mặc quần áo thượng diệu
 Xoa hương khiến nghiêm tốt
 Đến ở cửa Tịnh Xá
 Trước tưởng thân hình mình
 Làm **Kim Cương Tát Đồ** (Vajra-satva)
 Tay trái cầm Kim Cương (chày Kim Cương)
 Phải cầm **Kim Cương Khánh** (cái khánh Kim Cương)
 Cánh cửa, xung chữ **Hồng** (HŪM)
 Trợn mắt (nộ mục) trừ *bát tường* (điều chẳng lành)
 _ Cúi năm vóc sát đất
 Kính lễ chân Thế Tôn
 Một lòng xin quy mệnh
 Tác tướng *Phật thường trụ*
 Quý hai gối, thẳng lưng
 Tỏ bày các lỗi lầm
 Dùng câu trong sạch này
 Khấn thành xin Sám Hối

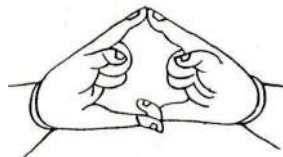
“Án, tát phộc bà phộc, thú đà tát phộc đạt ma, tát phộc bà phộc, thú độ hàm”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM- SVABHĀVA ŚUDDHA – SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHĀM

Nên ngậm tụng một biến
 Miệng xung câu chữ **A (ॐ)**
 Vô lượng tội gom chứa
 Trong sạch, không có sót

_ Tiếp dùng Tâm kiên tịnh
Kết Kim Cương Khởi Án
 Ngậm tụng Mật Ngữ này
 Triệu tập mười phương Phật
 Hai tay Kim Cương Quyền
 Cùng móc độ Đàn Tuệ (2 ngón út)
 Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng hợp ngón

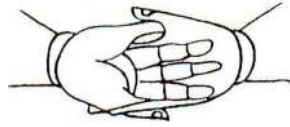


Ngang tim, ngửa, *tam chiêu* (chiêu vời ba lần)
 Liên biết các Như Lai
 Đều từ Tam Muội khởi
“Án, phộc nhật-lộ để sắt-xá”

ॐ ॐ ॐ ॐ

OM – VAJRA TIṢṬA
Nên quán trong hư không
Chư Phật với chúng Thánh
Trần đầy biển **Pháp Giới** (Dharma-dhātu)
Không có hở khoảng nào
Đều dùng sức Thệ Nguyện
Đều giáng đến **Đạo Trường** (Maṇḍala)

_ **Kết Kim Cương Trì Ấn**
Tưởng lễ chân chư Phật
Hai tay cùng chung lưng
Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) móc



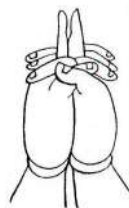
Tưởng lễ các Như Lai
Quy thẳng (thẳng lưng) bung trên đỉnh
“**Án, phộc nhật-la, vật**”

ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ VAJRA VIḤ.

_ **Pháp ngòi** (toạ pháp) có bốn loại
Tuỳ việc, tiếp nên làm
Thẳng thân, định chi tiết
Phu Toạ (xếp đùi về bằng phẳng, ngòi ngay thẳng), vành trắng trong
Liên dùng chữ **Ma** (𑖣_ MA) **Tra** (𑖔_ T)
Hai mắt làm Nhật (mặt trời) Nguyệt (mặt trăng)
Duỗi phóng lửa Kim Cương
Ngắm nhìn các Như Lai
Tiếp, ngoái nhìn các phương
Đốt trừ loài gây chướng
Tim, lười với hai tay
Chữ **Hồng** (𑖕: HŪM) bốc *sáng vàng* (kim quang)
Giống như các Như Lai
Tướng màu nhiệm **nói Pháp**

_ Tiếp đôi mươi phương Phật
Kết Đại Thệ Nguyện Ấn
Mười độ (10 ngón tay) Kim Cương Phộc
Dụng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) thành ngọn



Bày Phật với các Thánh
Cầu nhớ Nguyên xưa kia
“**Án, tam ma gia, tát-đát-tông**”

ॐ स म ग य ष्ट

OM- SAMAYA STVAM

_ Tiếp kết **Hoan Hỷ Án**

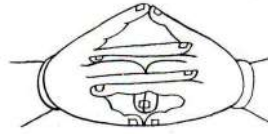
Hiển Tam Muội ưa thích

Mười ngón cái chéo ngoài

Nhấn Nguyên (2 ngón giữa) hợp giao trong

Đàn Tuệ (2 ngón út) và Thiền Trí (2 ngón cái)

Cùng hợp nhau mà dựng.



“**Án, tam ma gia, hộc, tô lạt đa, tát-đát-tông**”

ॐ स म ग य ष्ट ष्ट र त ष्ट

OM- SAMAYA HOH SURATA STVAM

_ Quán ở trên hai vú

Phải **Đát La** (ॐ TRĀ), trái **Tra** (ॐ T)

Như cửa nẻo cung thất

Tụng câu **Bí Ngôn** này

Liên dùng Kim Cương Phộc

Ba lần kéo đẩy, mở



“**Án, phộc nhật-la, mãn đà, đát-la tra**”

ॐ व ष्ट व ष्ट व ष्ट

OM_ VAJRA-BANDHA TRĀT

_ Quán *sen tám cánh* trước

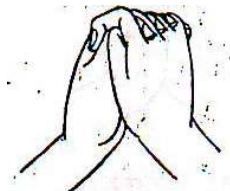
Chữ **A** (ॐ) màu sáng trắng

Hai tay Kim Cương Phộc

Thiền Trí (2 ngón cái) nhập vào trong

Tụng Bí Mật Ngôn này

Chữ chảy vào trong Điện



“**Án, phộc nhật-la, phệ xá, ác**”

ॐ वज्र अविषा ः

OM – VAJRA AVISA AH

_ Như **Nhập Tự Án** trước
Độ Tiên Lục (2 ngón trỏ) co trụ
Dùng **Hạp Tâm Môn** này
Chữ Trí (ॐ AH) được bền chắc



“**Án, phộc nhật-la mẫu sắt-trí, hàm**”

ॐ वज्र मुष्टि व

OM – VAJRA-MUṢṬI VAM

_ Tiếp kết **Giáng Tam Thế**
Trụ **Phần Nộ Tam Muội** (Krodha-samādhī)
Người muốn làm Pháp này
Trước trụ **Tâm Đại Bi** (Mahā-kāruṇa-citta)
Hai tay Kim Cương Quyền
Đàn Tuệ (2 ngón út) móc ngược nhau
Độ Tiên Lục (2 ngón trỏ) mở dựng



Trụ ở tướng quát hét
Chau mày, cười mà giận
Bốn **Hồng** (HŪM) như tiếng sấm
Quán nhóm chúng **Mật Tích**
Nhận dạy bảo, đứng hầu
Chuyển trái thành **Tịch Trừ**
Chuyển phải thành **Kết Giới**

“**Án, tón bà nễ, tón bà hồng, cật-lý hận noa, cật-lý hận noa, hồng cật-lý hận noa bá gia, hồng, a năng gia, hộc, bà nga tông, phộc nhật-la, hồng phát tra**”.

ॐ शंभु निशुभु हुं ग्रहण ग्रहण हुं ग्रहण
अपाया हुं अनया हो भगवाम् वज्र हुं फट्

OM SUMBHA NISUMBHA HŪM GRHṆA GRHṆA HŪM GRHṆA
APAYA HŪM ANAYA HO BHAGAVAM VAJRA HŪM PHAṬ.

_ Tiếp kết **Tam Muội Án**
Hành Giả trụ Tam Muội
Hai tay cài chéo ngoài
Ngửa ở trên Già Toạ



Ngồi thẳng, hợp miệng răng
Sô Túc (đem hơi thở) khiến Tâm định
Trước, Như Lai đã tỉnh
Trần khắp cõi hư không
Búng tay **cánh giác** Ta
Khiến quán **A Tụ Môn (𑖦)**
Ngâm tụng Mật Ngữ này
Nhận dạy bảo, đứng hầu
“Án, tức đa bát-la để vị đặng, ca lộ di ”
𑖞𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵
OM – CITTA PRATIVEDHAM KARA-UMI

_ Nên ngâm tụng một biến
Liên tưởng làm vành trăng
Muốn trong sạch gấp bội
Tụng Bí Mật Ngôn này
“Án, mạo địa tức đa mầu đất-bả na dạ di ”
𑖞𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵
OM – BODHI-CITTAM UTPĀDA YĀMI

_ Ở vành trăng trong sạch
Quán chủng tử, chữ **Đạm (𑖞_DHAM)**
Thành cây kiếm Kim Cương
Tụng Bí Mật Ngữ này
“Án, để sắt-xá, phộc nhật-la, để khát-sắt-noa”
𑖞𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵
OM – TIṢṬA VAJRA-TĪKṢNA

_ Ở vành trăng trong sạch
Sắc bén đến sáng tỏ
Tiếp nên dần vòng khắp
Lớn ngang bằng hư không
“Án, tát phả la, phộc nhật-la, để khát-sắt-noa ”
𑖞𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵
OM – SPHARA VAJRA-TĪKṢNA
Cũng chẳng thấy thân mình
Cùng với tất cả tướng

_ Tiếp nên dần quán Kiếm (cây kiếm)
Tụng **Thu Nhiếp Ngôn** này
“Án, tăng hạ la, phộc nhật-la, để khát-sắt-noa ”
𑖞𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵
OM – SAMHARA VAJRA-TĪKṢNA
Như Lai ở hư không

Tuỳ theo Kiếm, nhỏ dần
Ngang bằng thân mình xong
Liên thành hình Bản Thánh
Thân như màu vàng tía
Làm tướng Diệu Đồng Tử
Năm búi (tóc) trang điểm đầu
Báu mào: mào Ngũ Phương (mào báu có 5 đức Phật)
Hữu (tay phải) cầm **Kim Cương Kiếm** (Vajra-khadga:cây Kiếm Kim Cương)
Trên phát màu lửa rực
Tay trái cầm sen xanh
Có Kinh Phạn Bát Nhã
Trụ các Diệu Sắc Tướng
Thân ở vành trăng trong

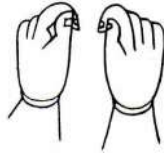
_ Hành Giả trụ đây xong
Nên tác suy tư này:
“*Nay Ta trụ bền chắc*
*Thân của **Kim Cương Kiếm** (Vajra-khadga)*
*Thân của **Tam Muội Gia** (Samaya)*
***Ma Ha Tam Muội Gia** (Mahā-samaya)*
Các Như Lai ba đời
*Hiện thành **Đẳng Chính Giác***
Ta trụ Tam Muội này
*Làm thân **Kim Cương Kiếm**”*

_ Tác suy nghĩ này xong
Đồng với tụng Mật Ngữ
Nên kết **Bản Thánh Ấn**
Gia trì **Tam Muội Hình**
Hai tay cài chéo ngoài
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) đều duỗi thẳng
Co lỏng trên hai ngón
Giống như dạng mũi kiếm



Tim, trán, họng với đỉnh
Đều tụng đây một biến
“**Án, nậu khư thử ná, đạ**m”
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
OM _ DUḤKHA CCHEDA _ DHAM

_ Lại kết **Ngũ Kế Ấn**
Khiến đầy đủ các Tướng
Giới (ngón vô danh trái) Tuệ (ngón út phải) với Đàn (ngón út trái) Phương (ngón vô danh phải)

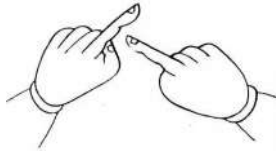


“**Án, la đát na, cú xá, a ngật-lý-gia, ma lệ**”

ॐ र व कुग्रि मले

OM_ RATNA-KUŚA AGRYA MĀLE

_ Tiếp mặc Giáp bên chắc
Hai tay Kim Cương Quyền
Giao duỗi độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Án (ॐ_OM), **Châm** (ॐ_TUM) tưởng mặt ngón
Sáng xanh lục chẳng dứt
Giống như rút tơ sen



Tim, lưng, rón với eo
Hai gôi với sau mông
Dần đến họng với đỉnh
Tiếp trán với sau đỉnh
Tiến Lực (2 ngón trỏ) quấn ba vòng
Trước từ Đản Tuệ (2 ngón út) buông
Hai tay rữ Thiên Y (áo khoác ngoài)
Đây tên **Từ Bi Giáp**

“**Án, phộc nhật-la, ca phộc ché, phộc nhật-la cú lô, phộc nhật-la, phộc nhật-ly, hàm**”

ॐ वज्रकवच वज्र कुरु वज्र वज्रि हूं

*) OM_ VAJRA-KAVACE VAJRA KURU _ VAJRA VAJRĪ _ HŪM

_ Tiếp ở tim tượng vẽ
Quán chữ **Đạm** (ॐ_DHAM) làm Kiếm (cây kiếm)
Lại thành Thẻ Bản Tôn
Như lúc trước đã quán
Liên dùng **Câu Án** thỉnh
Hai tay Kim Cương Quyền
Đản Tuệ (2 ngón út) móc ngược nhau
Thẳng Lực (ngón trỏ phải), co Tiến (ngón trỏ trái) vờ



“**Án, phộc nhật-lương, cú xá, nhược**”

ॐ वज्रकुंज

OM- VAJRA-AMKUŚA_ JAḤ

_ Tiếp dùng **Sách Ấn** vào
Tướng An đồng lúc trước
Chỉ dùng Độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Trụ nhau như cái vòng



“**Ấn, phộc nhật-la, ba xá, hồng**”

ॐ वज्रपाशा

OM- VAJRA-PĀŚA_ HŪM

_ Tiếp dùng **Toả Ấn** dùng
Hai tay Kim Cương Quyền
Tiến Lực (2 ngón trỏ) như móc khoá
Dùng dây, hay dùng trụ



“**Ấn, phộc nhật-la, tát-phô tra, hàm**”

ॐ वज्रस्फोट

OM- VAJRA-SPHOṬA_ VAḤ

_ Tiếp dùng **Khánh Ấn** vui
Lại dùng An lúc trước
Độ Đàn Tuệ (2 ngón út) Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Mỗi mỗi móc ngược nhau



“**Ấn, phộc nhật-la, kiện trà, hộc**”

ॐ वज्रघण्टा

OM- VAJRA-GHAṆṬA_ HOḤ

_ Tiếp nên **hiển Át Già**
Diệu khí đầy nước thơm

Kèm đở hoa vi diệu
Nâng đến trán đở hiển



“**Án, phộc nhật-lộ ná ca sách**”

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥

OM_ VAJRA-UDAKA ṬHAḤ

_ Tiếp kén **bốn Nội Cúng**

Biển Chiếu Tôn (Vairocana) hoá hiện

Ma Ha La Đở Nữ (Mahā-rati)

Vui thích hiển chư Thánh

Hai tay Kim Cương Phộc

Kèm Thiên Trí (2 ngón cái) rời duỗi



Quán mây **Diệu Kỹ Nữ**

Trần đầy mười phương cõi

“**Án, ma ha la đở**”

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥

OM- MAHĀ-RATI

_ Tiếp dùng **Man Án** hiển

Duỗi Tý (cánh tay), nâng phía trước



Quán mây **Diệu Bảo Man** (vòng hoa báu màu nhiệm)

Trần đầy hư không giới

“**Án, lộ ba thú tý**”

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥

OM- RŪPA ŚOBHE

_ Tiếp kết **Ca Vịnh Án**

Dùng đở đở cúng dường

Án trước từ lỗ rốn

Dần lên đến miệng, buông



Tưởng âm **Khẩn Na La** (Kimnara)

Cúng dường các chúng Thánh

“**Án, thú-lô đát-la táo xí-duệ**”

ॐ ऋ १ ३ १ ३ ३

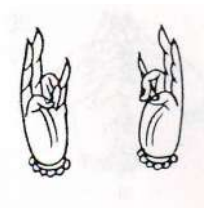
OM-ŚOTRA SAUKHYE

_ Tiếp dùng **Vũ Cúng Đường**

Dâng hiến Thánh mười phương

Hai tay Kim Cương Quyền

Chuyển phải, bung trên đỉnh



Tưởng mây **Diệu Kỹ Nhạc**

Tràn khắp các Thế Giới

“**Án, tát phộc bồ nhi-duệ**”

ॐ म ३ ५ ३

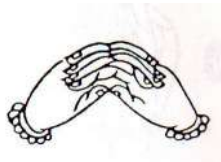
OM-SARVA PUNYE

_ Tiếp dùng **Phản Hương Ân**

Xông khắp các Thế Giới

Kim Cương Phộc buông xuống

Mây hương khắp Pháp Giới



“**Án, phộc nhật-la, độ bé**”

ॐ व ३ ५ ५

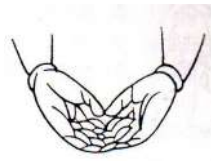
OM_VAJRA-DHŪPE

_ Tiếp dùng **Tán Hoa Ân**

Trang nghiêm các Thế Giới

Kim Cương Phộc, bung lên

Lưới hoa khắp hư không



“**Án, phộc nhật-la, bồ sáp bé**”

ॐ व ३ ५ ५

OM_VAJRA-PUṢPE

_ Tiếp hiền **Trí Đăng Ân**
Đốt cháy các U Minh
Thiền Trí (2 ngón cái) cùng ép nhau
Khấp Trí Tuệ Quang này



“**Ân, phộc nhật-la, lỗ kế**”
ॐ वज्र अलोके
OM_VAJRA-ĀLOKE

_ Tiếp hiền **Đồ Hương Ân**
Ngang ngực, thế xoa hương
Dùng mây hương giải thoát
Tịnh khắp các chúng sinh



“**Ân, phộc nhật-la, hiền đê**”
ॐ वज्र गन्धे
OM_VAJRA-GANDHE

_ **Nội Ngoại Cúng Đường xong**
Thứ tự nên thuận niệm
Kết Bí Căn Bản Ân



Tụng Bách Tự Chân Ngôn

“**Ân, khiết lý-nga tát đát-phộc, tham ma gia ma nỗ bá la dã, khiết lý-nga tát đát-phộc, đát vĩ nỗ bả để sất-xá, niết lý-trụ minh bà phộc, tố đồ sất-dụ minh bà phộc, a nộ la cật-đô my bà phộc, tố bồ sất-dụ my bà phộc, tát bà tát địa nhĩ, bát-la dã sai, tát phộc yết ma tố giả my, chỉ đa, thất-lợi đượ cú lỗ, hồng, ha, ha, ha, ha, hộc, bà nga phạm, tát phộc đát tha nghiệt đa, khát lật-nga, ma, my, muộn giả, khát lật-nghê bà phộc, ma ha tam ma gia, tát đát-phộc, Ác**”

ॐ वज्रगन्धे सम्यक्संबुद्धाय वज्रगन्धे वृक्षपत्रेषु कृत्वा मन्त्रं
सुप्रसन्नो मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं सुप्रसन्नो मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं
व मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं
वज्रगन्धे मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं

OM-KHADGA-SATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA – KHADGA-SATVA
TVENA UPATIṢṬA – DR̥DHO ME BHAVA- SUTOṢYO ME BHAVA-
ANURAKTO ME BHAVA- SUPUṢYO ME BHAVA _ SARVA SIDDHIṢ ME
PRAYACCHA SARVA KARMASU CA ME CITTA ŚRĪYAM KURU HŪM HA
HA HA HOḤ – BHAGAVAM – SARVA TATHĀGATA-KHADGA, MĀ ME
MUMCA _ KHADGĪ BHAVA- MAHĀ-SAMAYA SATVA- ĀḤ

_ Chẳng giải **Căn Bản Âm**
Liên xung xong, niệm **Minh** (vidya)
“**A la bả giả ná**”
𑖀𑖩𑖫𑖪𑖩
A RA PA CA NA

_ Pháp **Niệm** có bốn loại
Một là **Tam Ma Địa** (Samādhi)
Là quán Minh đã niệm
Miệng Bản Tôn tuôn ra
Tuỳ *quang* (ánh sáng) vào miệng Ta
Xoay phải bày trắng tim
Như dùng ngọc thủy tinh
Bày ở trên gương sáng
A (**𑖀**_A) nghĩa là **không sinh**
LA (**𑖩**_RA) nghĩa **không bụi nhiễm**
BẢ (**𑖫**_PA) **Vô** (không có) **Đệ Nhất Nghĩa** (Paramārtha)
Các Pháp Tính bình đẳng
GIẢ (**𑖪**_CA) **không có các hành** (Saṃskāra)
NÁ (**𑖩**_NA) nghĩa **không Tính Tướng**
Năm câu tuy sai khác
Tính ấy không có hai
Tâm cùng với Tính, hợp
Chẳng cần nặng phân biệt
Phật đã khen, *không nghĩ*
Không nghĩ cũng chẳng nghĩ
Chẳng nghĩ, nghĩ, nghĩ xong
Cho đến Đà La Ni
Nghĩa bốn câu như vậy
Tuỳ thuận **Khế Kinh** (Sūtra) nói

_ Hai là **Ngôn âm Niệm**
Ý trước, quán các chữ
Lìa cao, thấp, chậm, gấp
âm thể (thể của âm tiếng) như lắc chuông

_ Ba là **Kim Cương Niệm**
Ý trước vào **Tự Quán** (quán chữ)
Hợp chặt môi với răng
Khiến cho lưỡi hơi động

_ Bốn là **Giáng Ma Niệm**
Dùng Tâm Bi làm gốc
Ngoài hiện tướng uy nộ
Cau mày, tiếng găng sức

_ Bốn loại tuy sai khác
Một niệm làm không hai

_ Hai tay cầm tràng hạt
Bồ Đề với hạt sen
Nên dùng **Liên Hoa Ấn**
Hoặc trụ **Thuyết Pháp Ấn**
Sớm (Mão), trưa (ngọ), chiều (dậu), nửa đêm (tý)
Bốn Thời làm *định chuẩn*

_ Pháp này đứng bậc nhất
Cùng tốt trong bí mật
Chẳng nên tiếc thân mạng
Một lòng y **liễu nghĩa**
Người thuận Lý tu hành
Người trụ ở **Thiền Hành**
Cần phải quán Pháp này
Vì khởi Tam Muội, dùng
Mau chóng được **Chủng Trí**
Người Căn Tính thấp kém
Kẻ si ái, tạp loạn
Cũng khuyên tu Pháp này
Để tiêu **Phiền Não Chướng**
Nhập vào Trí vắng lặng

_ Hạn số kết thúc xong
Lại hiện nước Át Già
Nên dùng Tâm vui vẻ
Diệu Âm tụng **Tán Thán**
Lại bày **tám Cúng Dường**
Luyện mộ mà phụng hiến
Kết **Bí Căn Bản Ấn**



Từ Tim, bung trên đỉnh
Tướng Tôn trong hư không
Lại quay về Bản Cung
“**Ấn, phộc nhật-la, để khát-sắt-noa, mục**”
ॐ वज्रनिष्ठायः
OM- VAJRA-TĪKṢNA _MUḤ

_ Người trụ Tam Muội này
Tối Tôn không có trên
Trừ Phật với Bồ Tát
Không người (nào) đáng yêu kính

_ Muốn tùy thuận Thế Gian
Hiện nơi người lễ kính
Nên quán đầu người ấy
Có tướng Phật Bồ Tát
Tụng **Bách Tự Chân Ngôn**
Chỗ bí mật trong Pháp
Tâm muốn có tán loạn
Cần phải ngậm xung tụng

_ Xưa ở trước Đại Sư
Miệng truyền **thiết yếu** đây
Sức ngu, chẳng thể thuật
N như giọt nước trong biển
Sợ trái ngược Đại Thánh
Ôm sợ hãi, run rẩy
Giống như người ngu kém
Tay hiển chút Cam Lô
Chớ nên dùng khinh bỉ
Dâng thuốc, không công hiệu
Hình **Đã Can, La Sát**
Vì Pháp nên ứng chịu

_ Nguyên đem Công Đức này
Giác khắp các Quần Hữu
Ta được là **lưới đời**
Tùy **Thuyết** mà tu tập

NGŨ TỰ ĐÀ LA NI TỤNG
Hết

Hiệu chỉnh xong vào ngày 09/03/2012